

Bảng ghi điểm học phần
Học kỳ 2 - Năm học 2016-2017

Mã học phần/Nhóm: 4040515 nhóm 01 Tên học phần: Đánh giá tác động môi trường địa chất trong xây dựng

Số tín chỉ: 2

Mã CBGD: 0405-10

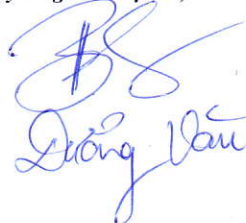
Tên CBGD: Bùi Trường Sơn

Trang 1 / 2

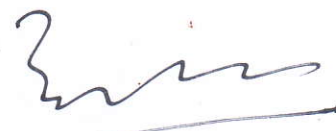
STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1321020409	Lương Tuấn Anh	23/05/1995	DCDCCT58A	7.5			8	8		10	10	7.9	
2	1321020416	Nguyễn Tuấn Anh	15/10/1995	DCDCCT58A	7			7.5	7.5		10	10	7.5	
3	1321020011	Trần Đức Anh	19/04/1995	DCDCCT58A	8.5			9	9		10	10	8.8	
4	1321020424	Nguyễn Văn Ba	04/10/1995	DCDCCT58A	7.5			2.5	2.5		5	5	5.8	
5	1321020018	Trần Ngọc Ban	16/04/1995	DCDCCT58A	8			7.5	7.5		10	10	8.1	
6	1321020438	Nguyễn Đức Chiếu	17/11/1995	DCDCCT58A	8.5			9	9		10	10	8.8	
7	1321020029	Phan Thanh Chuyển	26/02/1995	DCDCCT58B	7.5			8.5	8.5		10	10	8.1	
8	1321020034	Hoàng Văn Cường	24/10/1995	DCDCCT58A	8			7.5	7.5		10	10	8.1	
9	1321020037	Nguyễn Văn Cường	20/04/1995	DCDCCT58A	8			9	9		10	10	8.5	
10	1321020451	Đào Ngọc Diệp	04/10/1995	DCDCCT58A	7.5			8.5	8.5		10	10	8.1	
11	1321020459	Trần Tiến Dũng	14/05/1995	DCDCCT58A	7			2.5	2.5		5	5	5.5	
12	1321020053	Phạm Ngọc Duy	21/11/1995	DCDCCT58A	8.5			8.5	8.5		10	10	8.7	
13	1321020056	Đoàn Văn Dương	09/02/1995	DCDCCT58A	5			8	8		10	10	6.4	
14	1321020061	Hoàng Tiến Đạt	05/08/1995	DCDCCT58A	7.5			8	8		10	10	7.9	
15	1321030499	Khuất Tiến Đạt	16/10/1995	DCDCCT58A	8			7	7		5	5	7.4	
16	1321020067	Nguyễn Văn Diệp	13/06/1994	DCDCCT58B	9			9	9		10	10	9.1	
17	1321020487	Bùi Văn Đỗ	27/06/1995	DCDCCT58B	8			9	9		10	10	8.5	
18	1321020496	Hoàng Anh Đức	28/06/1995	DCDCCT58A	8			6.5	6.5		10	10	7.8	
19	1321030524	Trần Nhật Đức	24/11/1995	DCDCCT58A	6.5			7.5	7.5		5	5	6.7	
20	1321020083	Trần Mạnh Hà	15/01/1995	DCDCCT58A	7.5			7.5	7.5		5	5	7.3	
21	1321020088	Trần Hoàng Hải	04/12/1994	DCDCCT58A	8.5			8.5	8.5		5	5	8.2	
22	1321020525	Nguyễn Danh Hào	15/01/1995	DCDCCT58A	8			9	9		10	10	8.5	
23	1321020531	Nguyễn Đức Hậu	23/10/1994	DCDCCT58B	8.5			8.5	8.5		10	10	8.7	
24	1321020097	Vũ Đức Hiệp	14/03/1995	DCDCCT58A	8			8	8		10	10	8.2	
25	1321020106	Đinh Ngọc Hoàn	13/10/1995	DCDCCT58A	6.5			7.5	7.5		10	10	7.2	
26	1321020544	Ngô Thanh Hoàn	18/08/1995	DCDCCT58A	8.5			7.5	7.5		5	5	7.9	
27	1321020111	Vũ Văn Huân	20/02/1995	DCDCCT58A	8			9	9		10	10	8.5	
28	1321020116	Hoàng Văn Huy	13/08/1995	DCDCCT58B	8.5			7.5	7.5		10	10	8.4	
29	1321020119	Vũ Quang Huy	20/05/1995	DCDCCT58A	8			9	9		10	10	8.5	
30	1321020125	Trần Quang Khải	25/10/1994	DCDCCT58A	8.5			8	8		5	5	8.0	
31	1321020587	Đào Trọng Khang	28/09/1995	DCDCCT58A	8			8	8		10	10	8.2	
32	1321020126	Hồ Đăng Khang	10/10/1995	DCDCCT58A	8.5			7	7		10	10	8.2	
33	1321020596	Sỹ Danh Kiên	31/07/1995	DCDCCT58A	8			8.5	8.5		10	10	8.4	
34	1321020601	Trần Khánh Lâm	05/05/1995	DCDCCT58A	8			8	8		10	10	8.2	
35	1321020611	Phạm Duy Long	24/04/1994	DCDCCT58A	9			9	9		5	5	8.6	
36	1321020630	Hoàng Văn Mậu	28/04/1994	DCDCCT58A	3.5			8.5	8.5		5	5	5.2	
37	1321020148	Nguyễn Hữu Minh	14/07/1995	DCDCCT58A	7			8	8		10	10	7.6	
38	1321020644	Nguyễn Phương Nam	10/06/1995	DCDCCT58A	8			6.5	6.5		10	10	7.8	
39	1321020655	Cao Sỹ Nhân	22/06/1994	DCDCCT58A	7.5			9	9		10	10	8.2	
40	1321020671	Trần Văn Phúc	04/11/1994	DCDCCT58A	8.5			8.5	8.5		10	10	8.7	
41	1321020675	Đỗ Thị Phương	06/04/1995	DCDCCT58A	8.5			8	8		10	10	8.5	
42	1321020173	Nguyễn Hùng Quân	06/03/1995	DCDCCT58A	8			7.5	7.5		10	10	8.1	
43	1321020691	Nguyễn Văn Quyết	28/02/1995	DCDCCT58A	8.5			8.5	8.5		10	10	8.7	
44	1321020694	Bùi Đình Sơn	02/09/1995	DCDCCT58A	7.5			8.5	8.5		10	10	8.1	
45	1321020705	Nguyễn Ngọc Tân	20/04/1995	DCDCCT58A	6.5			8	8		10	10	7.3	

Hà Nội, ngày 3...tháng 4...năm 2017

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)


Đường Văn Bình

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)


Bùi Trọng Sơn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
Phòng Đào tạo Đại học

Bảng ghi điểm học phần
Học kỳ 2 - Năm học 2016-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã học phần/Nhóm: 4040515 nhóm 01 Tên học phần: Đánh giá tác động môi trường địa chất trong xây dựng
Mã CBGD: 0405-10 Tên CBGD: Bùi Trường Sơn

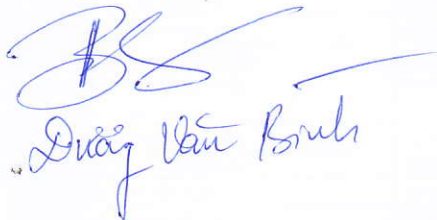
Số tín chỉ: 2

Trang 2 / 2

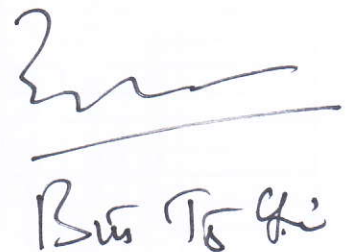
STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
46	1321020189	Trương Văn Tây	25/07/1995	DCDCCT58A	6			4	4		5	5	5.3	
47	1321020723	Lê Trọng Thập	15/06/1995	DCDCCT58A	7.5			9	9		10	10	8.2	
48	1321020727	Nguyễn Huy Thịnh	16/12/1994	DCDCCT58A	7.5			8.5	8.5		10	10	8.1	
49	1321020735	Trương Thị Thu	19/01/1995	DCDCCT58A	9.5			9	9		10	10	9.4	
50	1321020738	Lê Đình Thuật	21/02/1994	DCDCCT58A	8.5			8.5	8.5		10	10	8.7	
51	1321020217	Đặng Thành Thức	04/11/1994	DCDCCT58A	7.5			7.5	7.5		10	10	7.8	
52	1421020611	Lê Minh Tiến	09/11/1996	DCDCCT59B	C			0	0		0	0	0.0	
53	1321020753	Vũ Đình Tiến	28/06/1994	DCDCCT58A	6.5			8.5	8.5		10	10	7.5	
54	1321020755	Vũ Văn Tinh	04/11/1995	DCDCCT58B	8			9	9		10	10	8.5	
55	1321020222	Ngô Đức Toàn	15/08/1995	DCDCCT58A	7			8.5	8.5		5	5	7.3	
56	1321020225	Bùi Văn Tới	17/05/1994	DCDCCT58A	8			9	9		5	5	8.0	
57	1321020760	Nguyễn Thị Trang	11/12/1994	DCDCCT58A	9.5			9.5	9.5		10	10	9.6	
58	1321020768	Lê Thành Trung	02/09/1995	DCDCCT58A	7.5			9	9		10	10	8.2	
59	1321020808	Nguyễn Anh Vinh	24/05/1995	DCDCCT58A	9.5			9	9		10	10	9.4	
60	1321020810	Mạc Tuấn Vũ	23/03/1995	DCDCCT58A	8.5			7.5	7.5		10	10	8.4	

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2017

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)


Dương Văn Bình

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)


Bùi Trường Sơn